



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÉP

THE REPORT OF STEEL TEST

Số/No: 577 - 2021 /SVIBM/PCL

Trang/ Page : 1/1

Công trình / Project	Ho Chi Minh City Urban Railway Construction Project Ben Thanh - Suoi Tien Section (Line 1), Contract Package 3: E&M, ROLLING STOCK, TRACKWORK, MAINTENANCE
Địa điểm/ Location	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH/ HO CHI MINH CITY
Chủ đầu tư/ The Employer	MANAGEMENT AUTHORITY FOR URBAN RAILWAYS
Đd chủ đầu tư/ Employer's Representative	NJPT ASSOCIATION
Nhà thầu chính/ Contractor	HITACHI, Ltd.
Nhà thầu phụ/ Sub.Contractor	GENERAL RESOURCES
Đơn vị cung cấp/ Supplier	THU DUC CENTRIFUGAL CONCRETE JSC No.1
Nhà sản xuất/ Manufacturer	NEW SUN VIET NAM TECHNOLOGY CO., LTD
Hạng mục / Article	PHỤ KIỆN MƯƠNG CÁP BÊ TÔNG/ ACCESSORY FOR CONCRETE CABLE TROUGH
Loại thép/ Steel type	THÉP TẤM DÀY 3.2mm/ STEEL PLATE 3.2mm - STEEL GRADE: SS400
Nguồn gốc thép/ Source of steel	NAKAYAMA STEEL WORKS, LTD.
Ngày nhận mẫu/ Date receiving	26/02/2021
	Ngày thí nghiệm/ Date testing : 26/02/2021
Yêu cầu kỹ thuật / Specification	JIS G3101 : 2015
Tiêu chuẩn kéo / Tensile test method	JIS Z 2241: 2011
	Tiêu chuẩn uốn / Bend test method: JIS Z 2248:2006
Thiết bị thử/ Test Equipment	Máy thử kéo nén DTU-900-MHN S/N: C15-034A, Calib. No: ACK.20.047

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM KÉO THÉP/ TEST RESULT OF STEEL TENSILE

Stt No	Ký hiệu mẫu Notation of Sample	Thông tin về mẫu thử Information of sample			Giới hạn chảy Yield Strength		Giới hạn bền Tensile Strength		Độ giãn dài tương đối Elongation
		Chiều dày Thickness (mm)	Chiều rộng Width (mm)	Tiết diện Cross-Sec.Area (mm ²)	Lực Load (kN)	Ứng suất Stress (MPa)	Lực Load (kN)	Ứng suất Stress (MPa)	
1	PL3.2-1	3.15	24.89	78.40	35.2	448.6	38.3	488.2	24.8
2	PL3.2-2	3.18	24.93	79.28	30.8	388.1	38.3	483.1	24.4
3	PL3.2-3	3.15	24.96	78.62	30.1	383.3	38.1	485.0	23.9
Yêu cầu/ Spec. JIS G3101 : 2015 Grade SS400					N/A	Min. 245	N/A	400-510	Min. 21.0

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM UỐN THÉP/ TEST RESULT OF STEEL BEND

Stt No	K.h mẫu Notation of Sample	Chiều dày Thickness	Đường kính gồi uốn Diameter of former	Góc uốn Bending angle (°)	Trạng thái bề mặt sau khi uốn Bendability
1	MI	3.2	3 times the thickness	180°	Không nứt/ No crack

Tp.HCM, ngày 27 tháng 2 năm 2021



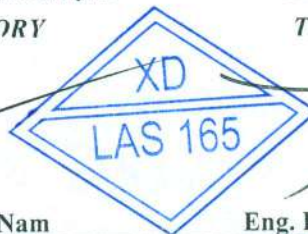
Eng. Phạm Toàn Thang

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
CHIEF LABORATORY

Eng. Nguyen Ngoc Nam

THÍ NGHIỆM
TESTED BY

Eng. Phạm Tuan Anh



* Ghi chú / Notice : - N/A - Không có giá trị/ Not Available

- Tên mẫu và tên cơ quan gửi mẫu được báo cáo theo yêu cầu khách hàng/ Name of sample and client are reported as client's request
- Không được sao chép từng phần, được sao chép toàn bộ phiếu kết quả này/ This test report not be reproduced, except in full



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM THÀNH PHẦN HÓA THÉP

CHEMICAL TEST REPORT OF STEEL

Số/No: 579 - 2021/SVIBM/PCL

Trang/ Page: 1/1

Công trình / Project	Ho Chi Minh City Urban Railway Construction Project Ben Thanh - Suoi Tien Section (Line 1), Contract Package 3: E&M, ROLLING STOCK, TRACKWORK, MAINTENANCE
Địa điểm/ Location	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH/ HO CHI MINH CITY
Chủ đầu tư/ The Employer	MANAGEMENT AUTHORITY FOR URBAN RAILWAYS
Đại diện chủ đầu tư/ Employer's Representative	NJPT ASSOCIATION
Nhà thầu chính/ Contractor	HITACHI, Ltd.
Nhà thầu phụ/ Sub.Contractor	GENERAL RESOURCES
Đơn vị cung cấp/ Supplier	THU DUC CENTRIFUGAL CONCRETE JSC No.1
Nhà sản xuất/ Manufacturer	NEW SUN VIET NAM TECHNOLOGY CO., LTD
Hạng mục / Article	PHỤ KIỆN MƯƠNG CÁP BÊ TÔNG/ ACCESSORY FOR CONCRETE CABLE TROUGH
Loại thép/ Steel type	THÉP TẤM DÀY 3.2mm/ STEEL PLATE 3.2mm - STEEL GRADE: SS400
Nguồn gốc thép/ Source of steel	NAKAYAMA STEEL WORKS, LTD.
Yêu cầu kỹ thuật / Specification	JIS G3101 : 2015
Ngày nhận mẫu/ Received date	26-Feb-2021
Ngày thí nghiệm/ Tested date	26-Feb-2021
Thiết bị thử/ Test equipment	SPECTROMAXx

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	YCKT	Phương pháp thử
No.	Characteristics	Unit	Results	Spec.	Test method
1	Hàm lượng cacbon / Carbon content (C)	%	0.17	-	JIS G 1253:2002
2	Hàm lượng silic / Silicon content (Si)	%	0.01	-	
3	Hàm lượng mangan / Manganese content (Mn)	%	0.42	-	
4	Hàm lượng photpho / Phosphorus content (P)	%	0.009	Max 0.050	
5	Hàm lượng lưu huỳnh / Sulfur content (S)	%	0.004	Max 0.050	

Tp. HCM, ngày 26 tháng 2 năm 2021

PHÓ GIÁM ĐỐC

VICE DIRECTOR



Eng. Phạm Toàn Thang

KIỂM TRA

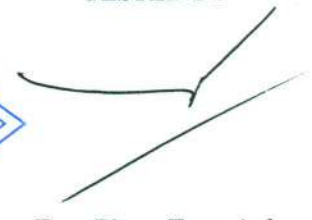
CHECKED BY



Eng. Nguyen Ngoc Nam

THÍ NGHIỆM

TESTED BY



Eng. Pham Tuan Anh

* Ghi chú / Notice :

- Tên mẫu và tên cơ quan gửi mẫu được báo cáo theo yêu cầu khách hàng/ Name of sample and client are reported as client's request
- Không được sao chép từng phần, được sao chép toàn bộ phiếu kết quả này/ This test report not be reproduced, except in full